

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN TP  
TỈNH BT**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **33/2022/HNGĐ-ST**

Ngày 15-7-2022

V/v: “Ly hôn, nuôi con chung”

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TP, TỈNH BT**

*Với thành phần Hội đồng xét xử gồm có:*

- **Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:** Bà Bích Thị Kim Pháp

- **Các Hội thẩm nhân dân:** + Ông Phạm Hồng Sơn

+ Bà Nguyễn Hoàng Bích Loan

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện TP** tham gia phiên tòa: Ông Lâm Đa Cha - Kiểm sát viên.

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Văn Hồng Lễ - Thư ký Tòa án nhân dân huyện TP.

Ngày 15 tháng 7 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện TP, tỉnh BT xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 111/2021/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 4 năm 2021 về việc: “Ly hôn, nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 06/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 01 tháng 3 năm 2022, Quyết định hoãn phiên tòa số: 08/2022/QĐ-HPT ngày 17 tháng 3 năm 2022, Quyết định hoãn phiên tòa số: 13/2022/QĐ-HPT ngày 05 tháng 4 năm 2022 và Thông báo mở về việc mở lại phiên tòa Hôn nhân và Gia đình số: 01/TB-TA, ngày 27 tháng 6 năm 2022 giữa các đương sự:

**1/ Nguyên đơn:** Bà **Trần Thị X**, sinh năm 1983

Địa chỉ: khu phố PT, thị trấn PRC, huyện TP, tỉnh BT.

**2/ Bị đơn:** Ông **Nguyễn Lý N**, sinh năm 1984

Địa chỉ: khu phố PT, thị trấn PRC, huyện TP, tỉnh BT.

Tại phiên tòa có mặt nguyên đơn, vắng mặt bị đơn.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

\* Theo đơn khởi kiện, biên bản lấy lời khai và tại phiên tòa bà Trần Thị X trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Nguyễn Lý N tự nguyện sống chung năm năm 2018 và đăng ký kết hôn tại UBND xã An Cư, huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang (theo Giấy chứng nhận kết hôn số: 116; Quyền số: 01/2008 ngày 06/8/2008). Sau khi kết hôn, vợ chồng bà sống nhờ bên nhà ông N một năm. Đến năm 2010, vợ chồng về xã Hòa Phú (nay là thị trấn PRC) sống từ năm 2010 nhưng cuộc sống chung của vợ chồng chỉ hạnh phúc một thời gian, vì vợ chồng không hợp tính, thường xuyên bất đồng quan điểm dẫn đến vợ chồng cố gắng thì càng xảy ra nhiều mâu thuẫn. Khi bà về sống nhờ nhà mẹ ruột bà tại khu phố PT, thị trấn PRC, huyện TP, tỉnh BT thì ông N cũng theo về sống một thời gian và có đăng ký tạm trú tại khu phố PT, thị trấn PRC, huyện TP, tỉnh BT nhưng vợ chồng không có hạnh phúc. Đến năm 2021, ông N tự ý dọn về Tiền Giang sống và từ đó không ai quan tâm đến ai. Bà làm đơn X ly hôn, bà có báo cho ông N biết nhưng ông N không hợp tác, ông N nói với bà, bà muốn ly hôn thì ly hôn, ông N không quan tâm. Bà nhận thấy cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, hiện bà không còn tình cảm với ông Nguyễn Lý N nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Nguyễn Lý N.

Về con chung: Bà và ông Nguyễn Lý Hùng có 01 (một) con chung tên Nguyễn Lý Hùng, sinh ngày 11/3/2008; giới tính: Nam. Hiện nay con đang sống chung với bà, bà X nhận trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi trưởng thành, bà không yêu cầu ông Nguyễn Lý N cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung của vợ chồng: không có

Về nợ chung của vợ chồng: không có.

Ngoài ra bà không yêu cầu gì thêm.

Bị đơn ông Nguyễn Lý N: Do ông Nguyễn Lý N không có mặt tại nơi cư trú nên Tòa án không ghi được lời khai.

Đại diện Viện Kiểm sát phát biểu:

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện TP phát biểu về việc kiểm sát tuân theo pháp luật: xác định mối quan hệ pháp luật cần giải quyết, thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định tại Điều 203 Bộ luật Tố tụng Dân sự, Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự về xét xử sơ thẩm vụ án.

Quan điểm giải quyết vụ án:

Đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ Luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/ 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy

định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí về lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị X.

Về hôn nhân: Bà Trần Thị X được ly hôn với ông Nguyễn Lý N.

Về con chung: Giao con chung tên Nguyễn Lý Hùng, sinh ngày 11/3/2008; giới tính: Nam cho bà Trần Thị X trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi trưởng thành. Bà Trần Thị X không yêu cầu ông Nguyễn Lý N cấp dưỡng nuôi con.

Về án phí: Bà Trần Thị X phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa cũng như căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án, bị đơn ông Nguyễn Lý N mặc dù không chung hộ khẩu với bà Trần Thị X nhưng ông Nguyễn Lý N thường xuyên sinh sống tại khu phố PT, thị trấn Phan Rí, huyện TP, tỉnh BT. Vì vậy, yêu cầu khởi kiện ly hôn của bà Trần Thị X thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện TP, tỉnh BT được quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 3 Điều 36, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ Luật tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Do ông Nguyễn Lý N từ khi Tòa án thụ lý vụ án ông Nguyễn Lý N lại thường xuyên vắng mặt tại nơi sinh sống và không rõ thời điểm trở về nên Tòa án đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng theo quy định của Điều 177 và Điều 179 Bộ luật tố tụng dân sự và xét xử vắng mặt ông Nguyễn Lý N theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Xét yêu cầu của bà Trần Thị X, Hội đồng xét xử nhận thấy: Hôn nhân giữa bà Trần Thị X và ông Nguyễn Lý N được xác lập trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã An Cư, huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang vào năm 2008. Vì vậy, áp dụng luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 để giải quyết.

Về hôn nhân: Hôn nhân của bà Trần Thị X và ông Nguyễn Lý N thực sự đã mâu thuẫn trong thời gian dài. Nguyên nhân một phần do vợ chồng bất đồng quan điểm, ông Nguyễn Lý N không quan tâm đến vợ con. Bà Trần Thị X đã cố gắng hàn gắn nhưng lại không hạnh phúc. Đến cuối năm 2021, ông Nguyễn Lý N lại tự ý bỏ đi, nên vợ chồng càng không thể hàn gắn lại được, bà có liên lạc nhưng ông Nguyễn Lý N lại không hợp tác, không về. Từ đó, vợ chồng sống ly thân, không ai quan tâm đến ai. Bà nhận thấy cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, hiện bà không còn tình cảm với ông Nguyễn Lý N nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Nguyễn Lý N. Theo lời trình bày của ông Trương Nhân trưởng khu phố PT, thị trấn PRC tại biên bản xác minh ngày 05 tháng 5 năm 2021

nơi ông Nguyễn Lý N thường xuyên sinh sống, làm ăn phù hợp với tình trạng hôn nhân của vợ chồng bà Trần Thị X, ông Nguyễn Lý N. Điều đó làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, nên có cơ sở chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Trần Thị X đối với ông Nguyễn Lý N.

Về con chung: Tại phiên tòa bà Trần Thị X tiếp tục nhận nuôi dưỡng, giáo dục con chung tên Nguyễn Lý Hùng, sinh ngày 11/3/2008; giới tính: Nam đến khi trưởng thành, bà không yêu cầu ông Nguyễn Lý N cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy, hiện bà Trần Thị X là người tiếp tục nuôi con từ khi bà và ông Nguyễn Lý N ly thân nhau, từ ngày ly thân ông Nguyễn Lý N không một lời hỏi thăm con, bỏ mặc không quan tâm gì đến mẹ con bà, chứng tỏ Bùi Văn Sáu không có trách nhiệm đối với con. Tại tòa bà Trần Thị X cam đoan sẽ đảm bảo lo cho con có một cuộc sống lành mạnh, tạo đủ mọi điều kiện chăm sóc cho con về mọi mặt cả thể chất lẫn tinh thần. Vì vậy, nghị nên tiếp tục giao cho bà Trần Thị X nuôi dưỡng, giáo dục con chung là phù hợp.

Về cấp dưỡng nuôi con: Bà Trần Thị X không yêu cầu ông Nguyễn Lý N cấp dưỡng nên không xem xét.

Về tài sản và nợ chung: không có.

Về án phí: Bà Trần Thị X phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

#### **[1] Căn cứ:**

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 3 Điều 36, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 146 và khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Điều 19, Điều 56, khoản 1, khoản 2 Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí về lệ phí Tòa án.

#### **[2] Tuyên xử:**

- Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu X ly hôn của bà Trần Thị X đối với ông Nguyễn Lý N. Bà Trần Thị X được ly hôn với ông Nguyễn Lý N.

- Về con chung: Giao con chung tên Nguyễn Lý Hùng, sinh ngày 11/3/2008; giới tính: Nam cho bà Trần Thị X trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi trưởng thành.

Ông Nguyễn Lý N không phải cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Việc thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn được thực hiện theo quy định tại Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình.

Về tài sản và nợ chung của vợ chồng: không có.

- Về án phí: Bà Trần Thị X phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm. Bà Trần Thị X đã nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng theo biên lai thu số: 0003026 ngày 07 tháng 4 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện TP, bà Trần Thị X đã nộp đủ án phí.

[3] Quyền kháng cáo của bà Trần Thị X là 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 15/7/2022), đối với ông Trần Thị X vắng mặt thời hạn kháng cáo là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật./.

**Nơi nhận:**

- Các đương sự;
  - VKSND (Tỉnh - Huyện);
  - TAND tỉnh BT;
  - Chi cục THADS huyện TP;
  - UBND xã An Cư,
- huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang
- UBND thị trấn PRC;
  - Lưu vp.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Bích Thị Kim Pháp**